

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HS-ST  
Ngày 10-6-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Đình Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hồ Thị Thu Uyên và bà Hoàng Thị Tám.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phan Văn Khải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2024/TLST- HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T**; sinh năm 1982 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú và chỗ ở: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông **Nguyễn Văn C** (đã chết) và con bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1957, trú tại: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**; Bị cáo có vợ là **Đỗ Thị Đông M**, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2017, đồng trú tại: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**; Tiền án: 01, ngày 26/4/2013 bị Toà án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 10 tháng về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 26/02/2016, bị cáo chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm (chưa được xóa án tích), tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/12/2023 sau đó chuyển tạm giam, đến ngày 30/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Hiện bị cáo đang ở tại **thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** - Có mặt.

2. **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1990 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú và chỗ ở: **Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông **Nguyễn Văn C** (đã chết) và con bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1957, trú tại: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**, trú tại: **Thôn**

Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Bị cáo có vợ là **Trần Thị Phương K**, sinh năm 1995 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2022, đồng trú tại: **Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**; Tiền án: 01, ngày 04/6/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2009/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 02/12/2010, bị đã được xóa án tích, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 24/12/2023 sau đó chuyển tạm giam, đến ngày 30/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Hiện bị cáo đang ở tại **thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** - Có mặt.

3. **Lê Hải T2**, sinh năm 1993 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú và chỗ ở: **Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông**; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông **Lê Hải Đ**, sinh năm 1962 và con bà **Hoàng Thị H**, sinh năm: 1968, đồng trú tại: **Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông**; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị bắt tạm giữ từ ngày 28/12/2023 sau đó chuyển tạm giam, đến ngày 30/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; Hiện bị cáo đang ở tại **thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông** - Có mặt.

- **Nguyên đơn dân sự:** Công ty TNHH MTV **Đ1**; Địa chỉ: **Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Phạm Văn T3** – Có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Ông **Phạm Anh T4**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: **Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** – Vắng mặt.

2. Ông **Vũ Văn C1**, sinh năm: 1996; Địa chỉ: **Bon Jăng P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** – Vắng mặt.

3. Ông **Phạm Xuân L**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: **Bon B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** – Vắng mặt.

4. Bà **Trần Thị Phương K**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: **Bon Jăng P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** – Có mặt.

5. Ông **Nguyễn Tất D**; sinh năm: 1984; Địa chỉ: **Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** - Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9/2023, **Nguyễn Văn T1** và **Nguyễn Văn đ Vũ Văn C1** (Sinh năm: 1996, Nơi cư trú: **bon Jăng Plây III, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**) chỉ cho đám rừng ở khu vực rừng lô 4c27a, khoảnh 9, **tiểu khu A** thuộc Lâm phần **Công ty TNHH MTV Đ1** quản lý, địa giới hành chính thuộc **thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** để chặt phá rừng lấy đất làm rẫy. Đầu tháng 10/2023, **T1, T** chuẩn bị các vật dụng cần thiết như xoong, nồi, văng, bạt, chăn,

màn, 02 con dao phát và dựng một cái lán che bạt để ở, sinh hoạt phục vụ cho việc phá rừng. Ban đầu T1 và T sử dụng dao phát để chặt phá các cây rừng có đường kính nhỏ, bụi rậm, dây leo (*phát rong*) trong khoảng thời gian từ 06 giờ - 08 giờ sáng và từ 17 giờ đến 19 giờ tối hàng ngày. Sau khi chặt phá được khoảng 03 đến 04 ngày, thì T1 và T nhờ bạn là Lê Hải T2 giúp chặt phá đám rừng này, thì T2 đồng ý. Khoảng 03 đến 04 ngày sau đó, T1, T, T2 mỗi người sử dụng một con dao phát tiếp tục chặt phá các cây gỗ rừng nhỏ, bụi rậm, dây leo cho đến hết. Lúc này, còn các thân cây rừng có đường kính lớn nên T, T1 cùng nhau đến TP G mua một chiếc máy cưa điện nhãn hiệu Makita và 02 cặp pin điện với giá tổng là 12.500.000 đồng tại cửa hàng M1 do anh Vũ Văn T5 làm chủ (*địa chỉ: số E đường T, TP G, tỉnh Đắk Nông*) để cưa hạ các cây có đường kính lớn. Sau đó, T sử dụng máy cưa điện cắt hạ các cây rừng. Còn T1, Trung cảnh giới, cách chừng lực lượng quản lý bảo vệ rừng. Đến sáng ngày 24/10/2023, T tiếp tục dùng máy cưa điện cưa hạ các cây rừng, sau đó T, T2 về lán chòi nằm nghỉ ngơi, còn T1 đi về nhà để sạc pin máy cưa. Đến trưa cùng ngày, anh Nguyễn Đình D1 (*Đội trưởng đội quản lý bảo vệ rừng số 03 Công ty Đ1*) đi tuần tra đến lán chòi phát hiện T, T2 đang nằm trong chòi, thấy lực lượng quản lý bảo vệ rừng sợ bị phát hiện nên T nói dối anh D1 là đi làm rẫy cho Vũ Văn C1 rồi lợi dụng trong lúc anh D1 xuống kiểm tra đám rừng bị hủy hoại thì T, T2 cầm theo máy cưa điện và 02 con dao phát bỏ chạy, để lại các vật dụng, đồ đạc gồm 01 cái bạt, 03 cái nồi gang, 01 con dao phát, 02 chiếc võng và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus, 01 chiếc xe mô tô không BKS của T1 để ở gần lán chòi. Quá trình điều tra tiếp tục thu giữ các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím số Imei: 355817096068232, gắn sim thuê bao 0982224719 của Nguyễn Văn T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh có số Imei: 353394480216134, gắn sim thuê bao 0962000719 của Nguyễn Văn T; 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương trên mũ có ghi V; 01 chăn mỏng màu cam.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp số 02/2023/GĐCN ngày 05/11/2023 của Giám định viên Lò Văn K1 thuộc Chi cục kiểm lâm tỉnh Đ kết luận:

- Trạng thái rừng: toàn bộ diện tích 8.590m<sup>2</sup> bị phá trái pháp luật là rừng thuộc trạng thái rừng lá rộng thường X (TXB).

- Loại rừng: toàn bộ diện tích 8.590m<sup>2</sup> bị phá trái pháp luật thuộc rừng sản xuất.

- Mức độ thiệt hại: Diện tích khu vực rừng bị hủy hoại có mức độ thiệt hại 100%.

\* Tại Bản kết luận và biên bản định giá tài sản trong TTHS huyện Đ số 04 ngày 17/01/2024 kết luận giá trị thiệt hại phải bồi thường đối với diện tích 8.590m<sup>2</sup> rừng bị phá trái pháp luật có trữ lượng 138.8m<sup>3</sup>/ha với mức độ thiệt hại là 8,590/10 là 795.592.945đ (*bảy trăm chín mươi lăm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKS-ĐS ngày 24/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn T1** và **Lê Hải T2** về tội “*Hủy hoại rừng*”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo về tội: “*Hủy hoại rừng*” là đúng, không oan và không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và khẳng định quyết định truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi xem xét, đánh giá các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn T1** và **Lê Hải T2** về tội: “*Hủy hoại rừng*”.

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Hải T2** mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm đến 04 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: **Công ty TNHH MTV Đ1** yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại theo Bản kết luận và biên bản định giá tài sản. Mỗi bị cáo đã bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại buộc các bị cáo liên đới bồi thường là 786.592.945 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động có đặc điểm như trên của các bị cáo do dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát lưỡi dao làm bằng kim loại, mũi dao bằng, có chiều dài 27cm; cán dao làm bằng thân cây tre có đường kính 3cm, dài 78cm; 03 nôi gang; 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương trên mũ có ghi **V**; 01 bạt màu xanh cam; 01 chăn mỏng màu cam; 01 chiếc võng màu rằn ri, dây dù;

01 chiếc võng dù dạng lưới màu xanh dương do dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

01 xe mô tô không có biển kiểm soát, số khung: RPJWCRPJ7A350858, số máy VPJL1P50FMH350858, quá trình điều tra xác minh xác định đây là xe mô tô của bị cáo **T1** mua của một người không rõ nhân thân, lai lịch. Chủ phương tiện đăng ký ban đầu là anh **Hoàng Văn T6** (địa chỉ: **Chợ cũ, L, N, B**), chiếc xe này đã được anh **Hoàng Văn T6** bán lại cho người khác không rõ người mua. Vì vậy chuyển vật chứng kèm theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với chiếc máy cưa điện nhãn hiệu Makita mà các bị cáo đã sử dụng để cưa hạ, hủy hoại rừng, bị cáo **T** và **T1** đã bán cho một người thu mua phế liệu dạo với giá 2.000.000 đồng; Đối với xe mô tô mà bị cáo **Nguyễn Văn T** sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, **T** đã bán cho một người thu mua phế liệu dạo; Đối với 02 con dao phát mà các bị cáo dùng để hủy hoại rừng, bị cáo **T, T1** đã vứt bỏ trong rừng khi bỏ chạy. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT **Công an huyện Đ** đã tổ chức xác minh truy tìm nhưng không thu giữ được.

Các bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1** và **Lê Hải T2** đồng ý với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, không bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

#### **[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:**

Cơ quan điều tra **Công an huyện Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

#### **[2]. Về hành vi khách quan và hậu quả do hành vi khách quan của các bị cáo gây ra, các bị cáo khai nhận như sau:**

Tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1** và **Lê Hải T2** đã khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ đầu tháng 10/2023 đến ngày 24/10/2023, **Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T** và **Lê Hải T2** đã dùng dao phát, cưa điện cùng thực hiện chặt, phá, hủy hoại 8.590m<sup>2</sup> rừng sản xuất tại lô 4c27a, khoảnh 9, **tiểu**

khu A thuộc lâm phần Công ty TNHH MTV Đ1 quản lý, thuộc thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Giá trị thiệt hại của diện tích rừng bị hủy hoại là 795.592.945 đồng.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo đã phạm vào tội “Huỷ hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

**Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định:**

*1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*b) Rừng sản xuất có diện tích từ trên 5.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) đến dưới 10.000 mét vuông (m<sup>2</sup>);*

...

**[3]. Đánh giá tính chất vụ án:**

Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước; xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và đáng bị lên án mạnh mẽ. Do đó, để đảm bảo việc giáo dục các bị cáo có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục tư tưởng, giúp các bị cáo nhận thức đúng đắn về pháp luật, nâng cao ý thức khi thực hiện hành vi của bản thân, góp phần cho công tác phòng ngừa chung của xã hội.

Tuy nhiên, trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia với vai trò, tính chất, mức độ và nhân thân của các bị cáo có khác nhau, nên cần có sự phân hóa để áp dụng hình phạt tương xứng với từng bị cáo để đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật, cụ thể:

- Đối với bị cáo T là người khởi xướng việc phá rừng, bị cáo có tiền án chưa được xoá án tích. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt cao hơn hai bị cáo T1 và T2 là phù hợp.

- Đối với bị cáo T1 cùng tham gia theo sự khởi xướng việc phá rừng của bị cáo T nhưng hành vi của hai bị cáo là như nhau, bị cáo đã được xoá án tích. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn bị cáo T và cao hơn bị cáo T2 là phù hợp.

**[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- Về nhân thân: Bị cáo **Nguyễn Văn T** có nhân thân xấu, có 01 tiền án, ngày 26/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 10 tháng về tội cố ý gây thương tích theo Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 26/02/2016, bị cáo chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm (chưa được xóa án tích).

Bị cáo **Nguyễn Văn T1** có nhân thân xấu, có 01 tiền án, ngày 04/6/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2009/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 02/12/2010, trước khi xét xử bị cáo cung cấp chứng cứ đã bồi thường phần trách nhiệm dân sự cho ông **Nguyễn Ngọc B** số tiền 900.000 đồng nên bị cáo đã được xóa án tích theo quy định của pháp luật.

Bị cáo **Lê Hải T2** có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, ngoài lần vi phạm này thì không có vi phạm pháp luật nào khác.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Nguyễn Văn T** đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện tội phạm “Huỷ hoại rừng” với lỗi cố ý. Vì vậy, bị cáo **Nguyễn Văn T** bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo **T2** có ông ngoại là liệt sỹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo **T2** có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Điều 2 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trực tiếp giám sát, giáo dục là đủ, tạo điều kiện cho bị cáo trở thành công dân tốt, thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật.

#### **[5]. Về xử lý vật chứng:**

- Đối với 03 chiếc điện thoại di động của các bị cáo do dùng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

- Đối với 01 con dao phát lưỡi dao làm bằng kim loại, mũi dao bằng, có chiều dài 27cm; cán dao làm bằng thân cây tre có đường kính 3cm, dài 78cm; 03 nôi gang; 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương trên mũ có ghi **V**; 01 bạt màu xanh cam; 01 chăn mỏng màu cam; 01 chiếc võng màu rằn ri, dây dù; 01 chiếc

võng dù dạng lưới màu xanh dương do dùng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, số khung: RPJWCRPJ7A350858, số máy VPJL1P50FMH350858, quá trình điều tra xác minh xác định đây là xe mô tô của bị cáo **T1** mua của một người không rõ nhân thân, lai lịch. Chủ phương tiện đăng ký ban đầu là anh **Hoàng Văn T6** (địa chỉ: **Chợ cũ, L, N, B**), chiếc xe này đã được anh **Hoàng Văn T6** bán lại cho người khác không rõ người mua nên cần giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Song thông báo cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc truy tìm chủ sở hữu trong thời hạn 12 tháng, nếu xác định được chủ sở hữu thì trả lại, không xác định được chủ sở hữu hợp pháp thì tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc máy cưa điện nhãn hiệu Makita mà các bị cáo đã sử dụng để cưa hạ, hủy hoại rừng, bị cáo **T** và **T1** đã bán cho một người thu mua phế liệu dạo với giá 2.000.000 đồng; Đối với xe mô tô mà bị cáo **Nguyễn Văn T** sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, **T** đã bán cho một người thu mua phế liệu dạo; Đối với 02 con dao phát mà các bị cáo dùng để hủy hoại rừng, bị cáo **T**, **T1** đã vứt bỏ trong rừng khi bỏ chạy. Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã tổ chức xác minh truy tìm nhưng không thu giữ được.

**[6]. Về trách nhiệm dân sự:** Nguyên đơn dân sự Công ty TNHH MTV Đ1 yêu cầu các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn T1** và **Lê Hải T2** bồi thường thiệt hại 795.592.945 đồng (*bảy trăm chín mươi lăm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*). Hiện các bị cáo đã bồi thường mỗi bị cáo số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại buộc các bị cáo liên đới bồi thường là 786.592.945 đồng.

**[7]. Các tình tiết liên quan đến vụ án:** Đối với **Vũ Văn C1** là người đã chỉ vị trí và dẫn bị cáo **T1** biết vị trí đám rừng mà các bị cáo đã hủy hoại. Tuy nhiên khi các bị cáo hủy hoại rừng **C1** hoàn toàn không biết. Do đó không đồng phạm với các bị cáo về tội hủy hoại rừng, nên không đề cập xử lý.

**[9]. Về án phí:** Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn T1** và **Lê Hải T2** phạm tội “Hủy hoại rừng”.

1.1 Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2023 đến ngày 30/01/2024, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T1** mức án 02 (Hai) năm tù được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2023 đến ngày 30/01/2024, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Hải T2** 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Lê Hải T2** về cho Ủy ban nhân dân xã Đ, T, tỉnh Đắk Nông và gia đình bị cáo phối hợp, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn T1** và **Lê Hải T2** phải liên đới bồi thường cho **Công ty TNHH MTV Đ1** tổng giá trị thiệt hại của diện tích rừng bị huỷ hoại là 786.592.945đ (Bảy trăm tám mươi sáu triệu năm trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bốn trăm đồng).

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động có đặc điểm như trên của các bị cáo do dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát lưỡi dao làm bằng kim loại, mũi dao bằng, có chiều dài 27cm; cán dao làm bằng thân cây tre có đường kính 3cm, dài 78cm; 03 nôi gang; 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương trên mũ có ghi **V**; 01 bạt màu xanh cam; 01 chăn mỏng màu cam; 01 chiếc võng màu rằn ri, dây dù; 01 chiếc võng dù dạng lưới màu xanh dương do dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Đối với 01 xe mô tô không có biển kiểm soát, số RPJWCRPJ7A350858, số máy VPJL1P50FMH350858, quá điều tra xác minh xác định đây là xe mô tô của bị cáo **T1** mua của một người không rõ nhân thân, lai lịch. Chủ phương tiện đăng ký ban đầu là anh **Hoàng Văn T6** (địa chỉ: **Chợ cũ, S, N, B**), chiếc xe này đã được anh **Hoàng Văn T6** bán lại cho người khác không rõ người mua nên cần giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song thông báo cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc truy tìm chủ sở hữu trong thời hạn 12 tháng, nếu xác định được chủ sở hữu thì trả lại,

không xác định được chủ sở hữu hợp pháp thì tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Văn T1** và **Lê Hải T2** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 11.821.239 đồng (Mười một triệu tám trăm hai mươi một nghìn hai trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu: HSVA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**TRẦN ĐÌNH MINH**